

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2017/HSST

Ngày: 26 /9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải

2. Ông Nông Văn Vụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2017/HSST ngày 15 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

BÙI THỊ L - Sinh ngày 20/10/1971;

Nơi đăng ký HKTT: Xóm PS, xã MT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở hiện tại: Tổ B, phường DT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Nghề nghiệp: Buôn bán tự do;

Trình độ học vấn: 9/12 phổ thông; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam;
Tôn giáo: Không;

Con ông: Bùi Duy H (Đã chết); Con bà: Đặng Thị P (Đã chết);

Chồng: Nông Văn T (Nông Trương T), sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Xóm PS, xã MT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng;

Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con út sinh năm 1996;

Anh chị em ruột: Bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 28/6/2017, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; "Có mặt".

Người bị hại: Triệu Nguyễn L, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Xã LM, huyện NB, tỉnh Cao Bằng;

"Vắng mặt, có lý do".

Người làm chứng: Bế Văn C, sinh năm 1989;

Nơi tạm trú: Tổ B, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

"Vắng mặt, không có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11 tháng 5 năm 2017 Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng nhận được đơn trình báo của anh Triệu Nguyễn L (Sinh năm 1988; Nơi cư trú: Xã LM, huyện NB, tỉnh Cao Bằng) với nội dung: Khoảng đầu năm 2017, L có làm quen với một người tên là P qua mạng xã hội Facebook. Hai người thường xuyên nhắn tin và gọi điện cho nhau. Đến khoảng tháng 02/2017, P nói với L là mẹ P bị ốm và hỏi mượn nhiều lần, mặc dù hai bên chưa biết mặt nhau, tổng số tiền mượn khoảng 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Do tin P nên ý. P không gặp mặt L mà bảo L đưa cho cô của P tên là Bùi Thị L (Tạm trú tại khu vực chợ km N, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) để bà L chuyển cho P. Sau đó một thời gian, L nghĩ là mình đã bị P lừa nên gọi điện cho bà L thì bà L nói P đã chết. Nghi ngờ bà L đã dựng ra người tên P để lừa lấy tiền của L nên L đã viết đơn đề nghị cơ quan điều tra giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình xác minh điều tra, Bùi Thị L lúc đầu đã phủ nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, bằng các chứng cứ có được, cơ quan điều tra đã tiến hành đấu tranh lấy lời khai và Bùi Thị L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào khoảng cuối tháng 01 năm 2017, qua mạng xã hội FACEBOOK, Triệu Nguyễn L dùng nick name "LUYEN NGUYEN TRIEU" để làm quen với một người tự xưng tên là Nguyễn Thị P (Dùng nick name "THIEN THIEN THIEN") nhưng thực tế người tên P này là do Bùi Thị L (Sinh ngày 20/10/1971; trú tại Tổ B, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) tự nghĩ ra để nhắn tin với L. Sau một thời gian thường xuyên nhắn tin, gọi điện, L và P (Tức là L) nảy sinh tình cảm và nhận lời yêu nhau. Nhưng khi L nói muốn gặp mặt P thì đều bị từ chối vì các lý do khác nhau.

Qua nói chuyện, P (Tức là L) thấy L hỏi han có thiếu tiền không thì L cho mượn. Nghĩ là L cả tin nên P (Tức là L) đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của L. Vào ngày 09/02/2017, P (Tức là L) nói với L là mẹ bị tai nạn đang cấp cứu tại Bệnh viện Việt Đức, L có tiền thì cho P vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu) để lo chữa trị cho mẹ (Thực tế đây chỉ là chuyện L tự nghĩ ra để chiếm đoạt tiền của Luyện). L bảo chỉ có 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) thôi, P (Tức là L) nói bằng ấy cũng được và bảo L đưa tiền cho cô của P tên là L bán hàng rau ở chợ km N, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng để chuyển cho P. Nghĩ là P nói thật nên tối ngày 09/02/2017, L đi xuống Hà Nội với mục đích để gặp P và thăm mẹ của P nhưng khi đến nơi, P nói đang rất bận không thể gặp L được nên L lại quay về Cao Bằng.

Đến sáng ngày 11/02/2017, L đến phòng trọ của L để gửi tiền cho P nhưng L nói “P đi Hà Nội rồi”, nên L đã đưa cho L số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để L chuyển cho P, vì lúc này L nghĩ L là cô của P. Sau đó, do trời gần tối nên L đã ở lại ăn cơm và ngủ tại phòng trọ của L. Đến ngày 22/02/2017, P (Tức là L) gọi điện cho L nói mẹ ốm nặng, không đủ tiền chữa trị nên hỏi mượn L thêm 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). L đồng ý. Ngày 25/02/2017, L ra đến phòng trọ của L đưa 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) cho L để chuyển cho P. Ngày 02/3/2017, L tiếp tục lấy danh nghĩa tên P gọi điện thoại cho L nói dối là mẹ của P đã chết, còn P bị ngã không đi lại được nên hỏi mượn L 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để lo đám tang cho mẹ. Tin là P (Tức là L) nói thật nên L đồng ý và ra thành phố CB đưa cho L 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để đưa cho P. Tiếp đó ngày 22/3/2017, P (Tức là L) hỏi mượn L số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để trả tiền viện phí điều trị chân đau. L lại đến phòng trọ của L và đưa cho L 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để chuyển cho P.

Sau một thời gian, do thấy P không cho gặp mặt, đồng thời cũng ít nhắn tin, gọi điện cho L nên L nghĩ đã bị P lừa tiền. Do L hỏi L về P nên đến ngày 10/5/2017, L đã nói với L là P đã chết và sẽ có chú của P ở tỉnh Bắc Kạn trả tiền. Nhưng nhiều lần L hỏi, L đều viện cớ để không trả lại tiền. Đến ngày 11/5/2017, L nghi ngờ L chính là P nên đã làm đơn trình báo lên Công an thành phố Cao Bằng để điều tra và xử lý theo quy định pháp luật.

Tổng số tiền mà L đã chiếm đoạt của L là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Số tiền chiếm đoạt được, L đã đem 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) gửi tiết kiệm tại Phòng giao dịch ĐT Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Cao Bằng, số còn lại L đã dùng để chi tiêu. Sau khi được triệu tập để lấy lời khai, ngày 18/5/2017, L đã đem nộp lại số tiền này cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả. Ngoài ra, với danh nghĩa là Bùi Thị L (Cô của P), đồng thời lợi dụng mối quan hệ giữa L và L, L còn vay L 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Quá trình điều tra người bị hại Triệu Nguyễn L khai: Khoảng đầu năm 2017, L có làm quen với một người tên là P qua mạng xã hội Facebook (Với nickname name "THIEN THIEN THIEN THIEN"), còn Triệu Nguyễn L dùng nickname name "LUYEN NGUYEN TRIEU". Hai người thường xuyên nhắn tin và gọi điện cho nhau. Đến khoảng tháng 02/2017, P nói với L là mẹ P bị ốm và hỏi mượn L tiền nhiều lần, mặc dù hai bên chưa biết mặt nhau, nhưng do tin P nên L đồng ý. Tổng số tiền L cho mượn khoảng 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) đưa bằng nhiều lần: Lần 1 đưa số tiền 30.000.000đ; Lần 2 đưa số tiền 25.000.000đ; Lần 3 đưa số tiền 10.000.000đ; Lần 4 đưa số tiền 5.000.000đ và 1 số lần lật vật khác nữa. Mỗi lần L đưa tiền. P không gặp mặt L mà bảo L đưa cho cô của P tên là Bùi Thị L (Tạm trú tại khu vực chợ km N, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) để bà L chuyển cho P. Sau đó một thời gian, L nghĩ là mình đã bị P lừa nên gọi điện cho bà L thì bà L nói P đã chết. Nghi ngờ bà L đã dựng ra người tên P để lừa lấy tiền của L nên L đã viết đơn đề nghị cơ quan điều tra giải quyết theo quy định pháp luật.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố Bùi Thị L trước pháp luật về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 02 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 61/KSĐT - SH ngày 11/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Bùi Thị L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của Bùi Thị L đủ yếu tố cấu thành tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho người bị hại tin tưởng giao tiền cho, lợi dụng lòng tin của người bị hại lấy tiền đem chi tiêu cá nhân.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị L cũng khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Cụ thể: do làm quen qua mạng xã hội FACEBOOK với anh Triệu Nguyễn L. Trong khoảng thời gian từ ngày 09/02/2017 đến ngày 22/3/2017, L đã lấy danh nghĩa một người tên là Nguyễn Thị P, sau đó lợi dụng lòng tin của anh L, hỏi vay mượn tiền rồi chiếm đoạt số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) của Triệu Nguyễn L. Bị cáo thừa nhận do lòng tham nên đã có hành vi gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại để lấy tiền mục đích chi tiêu cá nhân; Đồng thời thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phản ánh đúng thực tế hành vi phạm tội của bị cáo và truy tố bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội. Thừa nhận tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả nộp lại số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để trả lại cho người bị hại. Về trách nhiệm dân sự bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của người bị hại.

Lời khai của người bị hại tại cơ quan điều tra hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) mà bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của người bị hại. Về trách nhiệm hình sự: Người bị hại đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Bùi Thị L về tội danh, điều luật như đã nêu trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Bùi Thị L với mức án tù 30 tháng đến 36 tháng tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ quy định của pháp luật buộc bị cáo bồi thường theo yêu cầu của người bị hại.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, hối hận về hành vi bị cáo đã thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, xét thấy lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/02/2017 đến ngày 22/3/2017, do làm quen qua mạng xã hội FACEBOOK với anh Triệu Nguyễn L (nick name "LUYEN NGUYEN TRIEU"). Bùi Thị L đã lấy danh nghĩa một người tên là Nguyễn Thị P (Thông qua nick name "THIEN THIEN THIEN THIEN"), sau đó lợi dụng lòng tin của anh L hỏi vay mượn tiền, rồi chiếm đoạt số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) của anh L mục đích đem tiêu xài cá nhân.

Bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích sử dụng cho nhu cầu của bản thân. Hành vi của bị cáo Bùi Thị L đã xâm hại đến quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự. Là người đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi, là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra. Mục đích của bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại là để lấy tiền chi tiêu cá nhân (Mục đích tư lợi). Bị cáo nhận thức được hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Trong vụ án này Hội đồng xét xử xác định bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Như vậy, hành vi của bị cáo Bùi Thị L đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Điều 139. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2, Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Có tổ chức;

.....

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;...”

Bị cáo là người có sức khỏe, có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi. Bị cáo nhận thức rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhận biết được mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu về tài sản trái phép đều bị cộng đồng xã hội và pháp luật coi là hành vi phạm tội, đồng thời nghiêm khắc xử lý. Nhưng do coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Bùi Thị L theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, thông qua việc dùng nick name "THIEN THIEN THIEN THIEN" do bị cáo tự nghĩ ra (Tự xưng tên là Nguyễn Thị P) qua mạng xã hội FACEBOOK, làm quen với Triệu Nguyễn L nick name "LUYEN NGUYEN TRIEU". Hai bên thường xuyên nhắn tin, gọi điện, qua một thời gian bị cáo nảy lòng tham, hỏi vay mượn tiền (Đưa ra hết lý do này đến lý do khác)... Với thủ đoạn đó làm cho người bị hại tin tưởng giao tiền rồi lợi dụng lòng tin của người bị hại đã chiếm đoạt số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), sử dụng số tiền đó vào mục đích cá nhân. Như vậy bị cáo đã đạt được mục đích của mình là chiếm đoạt tài sản của người bị hại.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác về tài sản. Bị cáo nhận thức được dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân là hành vi vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo Bùi Thị L không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ đối với mỗi công dân mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội tại địa phương, gây sự bất bình lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là đúng và cần thiết. Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý trước pháp luật, có như vậy mới đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật và đáp ứng được yêu cầu đấu

tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Bùi Thị L có trình độ văn hóa 9/12PT, là một người có sức khỏe nhưng do tính lười lao động, lại muốn có tiền tiêu xài nên đã lợi dụng vào lòng tin của người bị hại cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, hối hận về hành vi mình đã thực hiện. Đồng thời đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả (Đã nộp tại cơ quan điều tra số tiền 20.000.000đ trả lại cho người bị hại). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009) nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ này. Tuy nhiên, trong một thời gian ngắn bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền 04 lần. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; Xử phạt bị cáo Bùi Thị L với mức án từ 30 đến 36 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị về hình phạt trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo sớm trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội và làm gương cho những người khác.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm". Vì vậy bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Bùi Thị L chiếm đoạt của Triệu Nguyễn L số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả

nộp lại số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và số tiền đó đã được trả lại cho người bị hại (Tại biên bản trả lại tài sản ngày 26/7/2017). Nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho người bị hại. Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) mà bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt, bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của người bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của người bị hại có căn cứ, đồng thời tại phiên tòa bị cáo L cũng nhất trí bồi thường số tiền trên nên cần được chấp nhận phần bồi thường của bị cáo L tại phiên tòa.

- Về vật chứng, xử lý vật chứng: Vật chứng chuyển theo vụ án theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 02/8/2017 gồm:

+ 01 (Một) USB màu đen trắng, mặt màu trắng có chữ Apacer, mặt đen có chữ CEFCD33466; Xét thấy, 01 (Một) USB là chứng cứ để phục vụ cho công tác điều tra (Do người bị hại giao nộp) nên cần trả lại cho người bị hại;

+ 01 (Một) ảnh chụp màn hình nick facebook "Thien ThienThienThien" của đối tượng Bùi Thị L; 01 (Một) ảnh đối tượng Bùi Thị L. Vật chứng không có giá trị. Căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự xử tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo Bùi Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Bùi Thị L.

2. Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị L 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/6/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 353, Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự năm 2015; Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

Chấp nhận phần bồi thường thiệt hại về tài sản của bị cáo L tại phiên tòa như sau:

Bị cáo Bùi Thị L có trách nhiệm bồi thường cho anh Triệu Nguyễn L (Nơi cư trú: Xã LM, huyện NB, tỉnh Cao Bằng) số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Xác nhận bị cáo đã nộp tại cơ quan Công an số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), số tiền đó đã được trả lại cho anh L. Nay bị cáo còn phải bồi thường cho anh Triệu Nguyễn L số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường

hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Xử trả lại cho người bị hại Triệu Nguyễn L: 01 (Một) USB màu đen trắng, mặt màu trắng có chữ Apacer, mặt đen có chữ CEFCD33466;

- Xử tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) ảnh chụp màn hình nick facebook "Thien ThienThienThien" của đối tượng Bùi Thị L;

+ 01 (Một) ảnh đối tượng Bùi Thị L.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Bùi Thị L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa (Có lý do) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Hằng